

# Ý THU

Tâm Thanh



Chúng tôi từ Oslo sang Paris đưa tiễn người bạn vong niên, ông Hoàng, vừa qua đời. Vợ chồng tôi ngồi lộn chỗ trên máy bay – lẽ ra hàng ghế 20, hoang mang vì mất bạn thế nào mà sa vào hàng 21. Hai người ngồi bậ mà quấy rầy an cư lạc nghiệp của sáu người. Trong số sáu người phải đứng lên để đổi chỗ cho nhau, có một cô gái Á Đông rất xinh. Cô nói: “Cô chú muốn ngồi chung, con đổi chỗ cho?” cô nói tiếng Việt, vậy mà lúc lên tàu tôi cứ tưởng cô người Singapore, không hiểu tại sao lại tưởng như vậy. Tôi đáp cảm ơn nhưng không cần, vì điều chỉnh lại vợ chồng tôi vẫn ngồi cạnh nhau. An tọa rồi, tôi mới thành thói moi túi lấy sách ra đọc.

Sáng nay tôi rút cuốn *L'étranger* của Camus trong tủ sách, vì nó nhỏ, mỏng nhất. Đọc tới thái độ dửng dưng của nhân vật Meursault trước cái chết của bà mẹ, tôi nghĩ đến người bạn già vừa chết và câu nói dễ thương của cô gái Việt Nam. Ba cái chuyện chẳng ăn nhằm gì với nhau – cái chết của người mẹ trong tiểu thuyết, cái chết của người bạn bằng xương bằng thịt, triết lý vô cảm của ông Camus, lời ân cần của người con gái đang ngồi đằng sau – lại như quán quít lấy nhau như dây trầu trong đầu tôi. Tôi nghiệm ra rằng những cái tưởng là rời rạc trên đời luôn luôn được kết nối vào nhau thành một chuỗi bồ đề mà lý trí không lần thành câu kinh mạch lạc nào cả, nhưng tâm trí rất bị cảm dỗ quán quít. Đọc tới chỗ Meursault vô cơ bắn năm viên đạn vào một thanh niên Ả-rập không ân oán trên bãi biển, tôi gấp sách lại, để dành cho chuyện về.

Bỗng muốn gạ chuyện với cô gái. Đã có cơ để làm quen rồi mà – hồi nãy cô mở lời trước! Nhưng giá vợ tôi bắt đầu làm việc này, tôi thích hơn. Tiếc là nàng cũng bận đọc cuốn sách của mình. Và lại nàng không ưa cái thói hay gạ chuyện của tôi. Anh lấy em, bắt đầu bằng gạ chuyện đấy, tôi cãi. Nhưng gạ chuyện người lạ, không hay, nàng nói. Trước khi thành vợ chồng mình cũng là người lạ thôi, em ơi!

Tình bạn giữa ông Hoàng và chúng tôi bắt đầu từ cái mà ngôn ngữ xã giao nói *chẳng-ai-xa-lạ-cả*. Ông Hoàng, trước năm 75 là chủ một lò bánh mì ở Chợ Lớn. Bánh mì của ông, ngoài việc bán bánh cho các thực quán Tây ở Sài Gòn, còn độc quyền giao cho Tòa Đại sứ Pháp, nhà thương Grall và nhiều cơ sở thương mại và văn hóa khác của Pháp. Từ năm 1953 tới 1955 ông còn giao bánh cho các đồn Tây trong vùng Sài Gòn Chợ Lớn luôn. Năm 1978 ông bị đánh tư sản mại bản, phiêu bạt sang đứng cái nôi ‘bánh Tây parisien’, nhưng ông không đắp lò nướng được như lời cam đoan ngon lành với vợ con khi xin định cư tại Pháp. Ông còn khoe tên tuổi nhiều người quen ở Pháp. Mất hai năm để tìm được một ông đại tá hồi hưu. Mục đích là thăm hỏi thôi, không phải để nhờ vả, vì ông đã mở được một quầy bán bánh mì cho tây đầm kẹp nách. Có đồng ra đồng vào. Chẳng biết ông cự đại tá có nhớ ông bán bánh mì ngày xưa thật không, nhưng vui về đánh máy một lá thư trong đó có câu ‘*Mr. Đinh Hoàng là một người bạn tốt của người Pháp*’. Ông mang thư về lộng kính treo trong phòng khách, bên cạnh hình lò bánh mì ở Chợ Lớn.

Quán bánh mì ở Quận 13 Paris sống lai rai được mười bảy năm, cho tới khi hai người con trai có gia đình riêng và bà vợ qua đời, ông sang quán, về hưu luôn. Ông sống một mình trong một chung cư ở khu phố Tàu. Mỗi bữa, đúng 11 giờ sáng ông ra khỏi nhà, đi ngang qua nhà giáo sư TKĐ, nếu thấy ông cự giáo sư luật ngồi đọc báo trong bếp, ông ‘*bonne journée*’ một cái. Biết nói to hay nhỏ thì, cửa sổ đóng, ông TKĐ cũng chẳng nghe, nên nhiều khi ông làm biếng, chỉ máy môi. Ông đoán ông giáo sư già cũng máy môi thôi. Vậy mà hôm nào ông TKĐ không ngồi trong bếp, ông thấy lo lo. Hoặc hôm nào lỡ hai cái máy môi không gặp nhau, ông thấy thiếu.

Còn tôi, gặp ông lần đầu rất tình cờ. Năm nào, tôi không nhớ, nhưng đó là một ngày đầu xuân, mấy cây đào trên đường Simone Weil (con đường nhà ông) đang chớm nở hoa. Tôi thấy ông tới gần, liếc mắt nhìn lên cây đào, ý chừng tự hỏi trên đây có cái gì lạ mà khách phương xa phải nhìn. Không lạ đối với ông, nhưng lạ đối với tôi – ở Na-uy chỉ có cây hạnh, hiếm có cây đào mà người bản xứ gọi là đào Nhật, còn tôi, phải gọi là đào Đà Lạt mới

bằng lòng. Ngắm hoa một lát xong, tôi trở ra Avenue d'Ivry, ngồi trên cái băng gỗ chờ vợ đi chợ Tang Frères như đã hẹn. Tôi ngồi cạnh hai ông say mà lúc đầu tôi không thể đoán được là người xứ nào, mặt mũi đáng vóc Á Đông không làm lẫn được, quần áo... Đông Dương, giọng nói lúc Quảng Đông, lúc Thái (tất nhiên tôi chỉ phân biệt được giọng, không hiểu lời). Có cái khặc nhổ liên hồi thì tôi không dám khẳng định là 'nhãn hiệu' của xứ nào. Cuối cùng tôi mới biết họ cũng là người Việt, nhờ bắt được vài chữ tiếng Pháp giọng Quảng Ninh (sau khi bức Tường Bá-linh sụp đổ, nhiều người sang Tây Âu xin 'tị nạn', đa số là người Quảng Ninh, Hải Phòng, giọng rất đặc biệt). Mỗi lúc phỏng đoán của tôi càng được xác nhận hơn khi hai ông bắt đầu cãi nhau và văng tục bạo hơn – bằng tiếng Việt rặt, Quảng Ninh. Cuối cùng họ thỏa thuận được điều gì đó, hạ thấp giọng và cùng đứng lên, lao đảo đi tới một góc tường đằng kia. Tôi đưa mắt tò mò xem, thấy họ moi từ trong một cái bịch đi chợ hai chai bia, bỏ hai cái vỏ cũ vào.

Quay lại, tôi thấy một người khác vừa chiếm chỗ trống trên băng. Chính là ông già mới gặp bên cây đào Đà Lạt. Ông cũng nhận ra tôi, "Mới thấy ông đằng kia, phải không?" Ông phàn nàn người ta khặc nhổ mất vệ sinh. Tôi khen đường phố Paris hồi này không còn cút chố như hai mươi năm về trước – đầu nhất thiết cái gì cũng phải tòi tệ đi theo thời gian. Paris có cái hay không thay đổi là lề đường dành cho người đi bộ rộng thênh thang, đi mà muốn... lẻ loi, chả bù với Hà Nội, Sài Gòn – lề đường dành cho người đi bộ càng ngày càng hẹp lại, bây giờ chỉ còn chừng mét rưỡi mà xe gắn máy choán hết, không chừa chỗ cho người đặt bàn chân, và có chỗ nào trống thì coi chừng cút người. Nghe nói thành phố Hà Nội được thiết kế mô phỏng theo Paris đây. "Tôi sinh ở Hà Nội," tôi nói. "Tui Mỹ Tho," ông nói.

Rồi hai người đi mút về ngôi trường cũ của mình – và để ký ức la cà ở đó cho tới khi bóng ngôi nhà 20 tầng bên khu Massena đổ sang một bên, mặt trời ló ra chói lòa mắt. Tôi nhìn đồng hồ. Ông vội nói "Muốn lại coi con nhỏ của tui không?" Tôi xuýt phì cười – ông già mà còn con nhỏ? Hay là ông muốn tôi coi 'thằng nhỏ' của ông? Khiếp! May, ông giải đáp thắc mắc thâm của tôi liền. Ông kể lai lịch người đàn bà hiện đang ở với ông. Ba năm trước, cũng trên cái ghé này, ông thường ngồi rải bánh mì cho chim bồ câu. Nếu có người quen đi qua, ông vờ lại nói dăm ba câu chuyện cho đỡ ghiền. Nếu gặp tay quen rủ đi đánh mạt chược, thì nhất. Liên tiếp ba ngày liền ông thấy một người đàn bà ngồi đấy, hai tay kẹp giữa đùi co ro. Ông gạ chuyện và được biết 'con nhỏ' từ Việt Nam sang làm ô-xin. Thấy tôi ngẩn ngơ không hiểu ô-xin là gì, ông giải thích "Ông không biết ô-sin là gì sao? Tội nghiệp, Osin là tên riêng cô gái làm thuê trong phim ả hạt. Dân mình hết sảy, chơi chữ quốc tế không. Hết Tây ô-be bây giờ lại ả hạt ô-sin! Hừ, ô-be hay ô-sin cũng chỉ là ở đợ!"

Ông trở về số phận người đàn bà trẻ: lợi dụng tình dục không được, chủ nhà đuổi ngang bà. Bà thì muốn ở lại Pháp, không phải để sướng thân (có gì mà sướng?) nhưng "có cái gì ấy ở ngoài này dễ thở hơn". ả ghe câu nói hơi văn vẻ ấy, ông nghĩ "con nhỏ láu cá tính ca sáu câu để mua lòng trắc ẩn mà thôi". Yêu thâm có khi đến chết không ai hay biết, nhưng khinh khi, dù kín đáo bao nhiêu cũng không che giấu được – người đàn bà biết bị khinh khi, lặng lẽ bỏ đi. Hôm sau, khi ông Hoàng đi qua nhà giáo sư TKĐ, ông vẩy lại cửa sổ chỉ cho một tin trên báo đêm qua một phụ nữ Việt ả am uống thuốc ngủ tự vẫn ngoài đường. Ông Hoàng giật mình đi tìm và may mắn thấy 'con nhỏ' ở nhà thương. Đây là giây phút quyết định, ông nghĩ, đây là lúc mình chuộc lại tội giết người vì sự dửng dưng vô tình. Ông quyết định nhận bà là người yêu chưa cưới. Ông khai như vậy với cảnh sát đi trú trước mặt bà. Bà trợn mắt, chối nguây nguẩy, bảo ông là người xa lạ. Ông một mực khai là hai bên đã hứa hôn. Tự nhiên ông bịa ngon lành là người đàn bà có vướng mắc tình cảm cũ với ai đó, nên bây giờ phát khùng, phủ nhận tình yêu đã hứa với ông. Ông nói ông sẵn sàng bỏ qua hết, nếu bà bằng lòng làm lại, lấy ông. Lạ lùng, chính những lời khai như chửi nhau giữa hai người lại làm cho cảnh sát tin đây là một bi kịch gia đình thật, không phải một trò xiệc đi trú.

Vợ tôi khệ nệ từ trong Tang Frères đi ra, thấy tôi đang lú lo, nhếch môi một cái, ý nói lo gạ chuyện người lạ để người quen xách nặng. Ông Hoàng chưa dứt lời, vội vàng gói ghém đoạn kết câu chuyện vào một câu đại khái là lần đầu tiên ông dùng lá bùa ông đại tá, linh lắm, nó giúp ông làm giấy hôn thú rồi thường trú cho 'con nhỏ' xong cái roet. Chấm hết câu chuyện xong, ông mới đáp lời chào hỏi của vợ tôi. ả ghe vợ tôi tự giới thiệu cũng người Mỹ Tho, ông reo lên "Vậy ghé nhà tui coi con nhỏ? Có năm phút đi bộ thôi à." Đó là một người đàn bà

chưa tới tứ tuần, nhan sắc trên trung bình, tự nhiên, nước da sáng làm cho cả người sáng sủa ra, ăn nói lịch thiệp, người Bắc mà.

Thế rồi mỗi năm chúng tôi đi Paris một lần, lần nào cũng ở khách sạn quen trong khu Quartier Chinois và tới thăm ông bà Hoàng, có lúc ăn cơm trong nhà, có lúc chúng tôi mời ông bà ăn ở ngoài. Bà trông sang trọng hẳn lên trong trang sức đi chơi phố. Khi đủ thân mật rồi, tôi xin ông bỏ hai chữ ‘con nhỏ’ đi, thay vào ‘Bà Hoàng Bé’, ông không chịu – “*Le Petit Prince* từ sa mạc bay về trời, tui không muốn con nhỏ bay mất. Ông bà muốn gọi nó là Hoàng Bé thì cứ gọi...” Còn bà gọi ông thân mật bằng ‘bố’. ả hững dịp ấy vợ chồng tôi cố quan sát xem đây là tình thật hay tình giả. Lần nào cũng vậy, bất kể trùng mùa hoa đào nở hay mùa lá phong rơi, từ đường Simone Weil về khách sạn hay đi dạo chiều bên bờ sông Seine, chúng tôi đều không kết luận gì được. Giữa hai người là một mối tương quan mập mờ chưa chắc chính họ phân định được biên giới, hay đặt tên.

Tuổi tác ông gấp đôi bà, với nhan sắc kia bà dư sức rũ áo ra đi lấy một ông chủ tiệm phở, sao bà còn ở lại? Đã có giấy thường trú trên ba năm, tại sao con sáo chưa sang sông, mà vẫn lui cui chăm sóc ông như một con gà mái chăn con? ả gượng lại, ông có xơ múi gì không mà đối xử như có xơ múi? Bà đi làm có tiền riêng, nhưng ông vẫn chia một phần ba tiền hưu mỗi tháng cho bà dư tiền chợ, thừa tiền túi. Biết bà có gửi tiền về Việt ả am, ông cũng lờ đi, “quyền của con nhỏ”. Tết và ả oël ông tặng bà quà rất hậu. Còn quà bà cho ông và cho các con, các cháu của ông là do tiền... ông đưa! Ông tự khai cái hào sảng của mình, rồi lại tự xí xóa đi – “coi, nó cơm nước áo quần cho tui như vậy...” Hai người ngủ riêng hai phòng; liệu lúc tối lửa tắt đèn ông có mò sang phòng bà không? Tắm ra phảng phiu trên chiếc giường đơn không trả lời câu hỏi của tôi. Bây giờ ông chết, vấn đề sẽ đơn giản hơn – về một mặt nào đó, tôi nghĩ.

Tôi bị cảm dổ, không thể để dành cuốn sách cho lượt về được. Phần hai nói về phiên tòa xử tội Meursault. Tôi phải đọc nốt, vì hình như lời ông Hoàng nói khi tìm thấy bà Hoàng Bé trong nhà thương mà tôi vừa nhớ lại (“Đây là lúc mình chuộc lại tội giết người vì sự dửng dưng vô tình”), có cái gì đó tương cận với tâm lý của anh chàng Meursault trong truyện. Chà, đúng như linh cảm của tôi – trong phiên tòa, ông biện lý và cả dư luận báo chí lấy thái độ dửng dưng của Meursault với mẹ ruột để buộc hẳn tội cố sát không chạy vào đâu được! Làm như sự vô tình với thân nhân là mầm mống giết người vậy.

Máy bay đáp xuống Orly vào xế chiều. Chúng tôi bỏ hành lý vào khách sạn rồi tới xóm bốn cây đào ngay. Lá đào đã úa nhưng chưa rụng; nó dai hơn nhiều lá khác. Tôi dòm qua cửa sổ nhà số 09 tầng trệt. Tôi thấy ông Hoàng! Không tin mắt mình, tôi bảo vợ nhìn lại xem, mắt em tinh hơn. ả àng cũng thấy ông và bà Hoàng Bé, họ đang ngồi đếm cái gì trên bàn ăn. ả àng máy móc chộp lấy tay tôi – bàn tay nàng lạnh ngắt. Tôi nâng cườm tay nàng nhìn... đồng hồ – 6 giờ kém 10, giờ Paris và Oslo bằng nhau. Giờ này ở Oslo tối như mực rồi, nhưng ở đây chưa lên đèn.

Bỗng bà Hoàng Bé quay ra, nheo mắt nhận ra chúng tôi, vội vàng ra mở cửa. Ông Hoàng còn sống, ngồi đó, cười mỉm. Ông không còn ngồi thẳng lưng như bà Hoàng Bé thường nhắc được nữa, nhưng còn sống thật. Ông dán mắt vào đôi môi lạt lạt của bà khi bà kể cho chúng tôi về vụ ông chết hụt. Chiều thứ năm tuần trước, bà đi làm về, thấy ông nằm bất động trên divan. “Cứ như những thứ năm khác, em ghé chợ rồi mới về thì bố theo ông bà ông vãi rồi...” bà phụ chú. Bà hoảng hồn gọi xe cấp cứu đưa ông vào nhà thương. Trong lúc ông hôn mê, bà tưởng ông chết, nên điện thoại báo tin cho con cái ông, rồi cho chúng tôi. “Thế, trong lúc điện thoại cho ông bà, em nói *chết* à? Em nói *khó qua khỏi* chứ! Vâng, có thể em nói chết... Hôn vĩa em nó nói chứ em chẳng biết mình nói gì... Hú hồn!” Bà kể với những giọt nước mắt hạnh phúc, thỉnh thoảng liếc sang ông như trách móc – làm người ta hết hồn. Rồi lại quệt nước mắt cười hi hí quay sang vợ tôi “Xin lỗi, em cứ tưởng bố đi luôn, cuống lên, gọi hoảng làm mất công ông bà từ ả orvège sang.”

Tới lượt ông nhìn bà âu yếm, chế diễu. Kể tạm xong, bà đứng lên, dùng tay áo mình phủi cái gì đó trên má ông, rồi xuống bếp pha trà. Ông nói nhỏ với chúng tôi “Ồ lâu sanh tình,” rồi thờ dài, “trước tưởng chỉ là một sự trao đổi, tui cần người đỡ đần, nó cần ở lại. Giờ thì có tình...” Ông nói tiếp, giọng mệt nhọc nhưng đầy hứng thú, “Có tình thì có lý. Tôi vẫn ả náy lương tâm cái chuyện mình nói dối với cảnh sát sáu năm trước. Khai người lạ là vợ chưa cưới, đâu có nên, là nói dối, là bậy trước pháp luật. Bây giờ có tình thật thì không còn là dối trá nữa,

phải không ông bà?” Tôi gật đầu tán thành. Vợ tôi, con người nguyên tắc, xuýt xoa khen ông xử tình lý vẹn toàn. ả hân nói tới chuyện pháp luật, ông hỏi chúng tôi có nên lấy lại căn hộ này, tức là đứng tên không. ả hà là nhà ông bỏ tiền mua, nhưng hồi đó tính già tính non chuyện thuê đi sản, ông để cho hai thằng con đứng tên. Không biết tí gì về luật lệ Pháp, tôi chưa biết trả lời ra sao, thì bà từ trong bếp bung khay trà bánh ra, xen lời “Không! Bó liệu còn sống bao năm nữa mà đòi đứng tên cái nhà, để làm gì? Phải để nguyên tên chúng nó!” Bà thính tai thật! Chuyện trò gần khan cổ, Bà Hoàng Bé đòi đi làm com, vợ tôi gạt đi. Tôi thắc mắc hồi nãy hai người đếm cái gì trên bàn. ả hưng tôi không nói ra – tôi còn nhiều ‘bí ẩn’ nho nhỏ như thế trên đời, thích để vậy còn hơn được giải đáp sai.

Chúng tôi từ già ông bà. Dưới ánh đèn đường, những chiếc lá phong đỏ như son nằm trên lề đường thênh thang. Thu Paris, sang Oslo đã thành mùa đông. Mai xuống phi trường Gardermoen thế nào tôi cũng phải cạo băng trên kính cái xe gửi ngoài bãi. ả ghĩ hơi nản.

Thấy cô gái trong phi trường Orly, tôi cảm thấy như gặp lại một người đồng hương quen biết từ lâu. Trong câu chuyện thăm hỏi nhau về chuyến đi có vui không, làm gì, mua gì... cô giới thiệu cho chúng tôi cái khách sạn cô vừa ở, giá phải chăng, gần trạm Métro, tiện nghi. Lúc đưa danh thiếp của khách sạn cho vợ tôi, cô nâng hai tay. Khi có lệnh lên tàu, cô đứng dậy, cười tươi, hỏi “Cô chú có cần con phụ xách gì không?” Chúng tôi trả lời không. Vợ tôi nhìn cô dịu dàng hỏi, “Con ở Việt ả am sang ả a-uy lúc mấy tuổi?” Câu hỏi lúc này có hơi lạc đề, nhưng chính tôi đang muốn hỏi như thế. Không lẽ hỏi con cái nhà ai mà giờ này còn lễ phép như vậy. ả hư hiểu ý vợ tôi, cô gái giấu sự hãnh diện trong một nụ cười bẽn lễn đáp, “Dạ con sanh tại ả a-uy.”

Chúng tôi suy nghĩ trong im lặng. Lên máy bay, hết cái đọc, tôi nhắm mắt làm như ngủ, nhưng trong đầu lượng giá chuyến đi. Tôi cho năm sao – ‘rất hài lòng’ – được đấy. Lời quá chừng, tôi nói thâm. Ông Hoàng còn sống là cái lời thứ nhất cho tôi. Ông được hoãn chuyến tới bao giờ không biết, nhưng một ngày sống sau khi chết hụt của ông, từ nay sẽ trở thành một ngày vàng của tôi, và chắc chắn của ông. Sống như đo thời gian của chiếc lá vàng rơi, một sát-na trên không là một vô tận biết ơn. Lại một chiếc lá vàng khác – lòng ân cần – vẫn chưa lìa cành. Hạnh phúc biết bao, trong mùa thu cuộc đời, được ngắm những chiếc lá vàng còn đọng đưa sự sống! ả hững chiếc lá vàng chưa lìa cành, nhờ một ông già gần đất xa trời! ả hờ một cô gái trẻ sinh trưởng ở nước ngoài. ả hờ một người đàn bà tới từ một nơi mà mùa thu năm ấy khởi đầu bằng trông chiêm tưng xòe rồi kéo dài bằng tiếng kèn đám ma thông thượt, vô cảm.

Thật kỳ lạ, phải trở về quê tạm để nghênh tiếp mùa đông nghiệt ngã mà lòng tôi hân hoan như về nhà. ả hư đi gặp mùa xuân.

Tâm Thanh